

Số: 83/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.
2. Ông Lê Văn Thới.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 377/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H năm 1955; nơi cư trú: Số nhà A, Khóm A, Phường C (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T năm 2001; nơi cư trú: Số B, đường P, Phường D (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T1 – Luật sư Công ty L

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1950; nơi cư trú: Số C, đường P, Phường H (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị N năm 1952; nơi cư trú: Số C, đường P, Phường H (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long

2. Ông Nguyễn Văn P năm 1958; nơi cư trú: Số A, đường L, Phường B (nay là phường L), tỉnh Vĩnh Long

3. Bà Nguyễn Thị P1 năm 1961; nơi cư trú: Số B, khóm V, phường T, tỉnh Vĩnh Long

4. Bà Nguyễn Thị P2 năm 1963; nơi cư trú: Ấp P, xã P (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Nông Nguyễn Văn P3, bà Nguyễn Thị P4 và bà Nguyễn Thị P2 Ông Lê Hồng Đ cư trú: Số E, đường T, khóm E, Phường D (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long(văn bản ủy quyền ngày 16/02/2024).

5. Ông Nguyễn T2 T2sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A D, C, phường B (nay là phường B), tỉnh An Giang

6. Bà Nguyễn Thị T3 T3sinh năm 1979; nơi thường trú: Ấp H, xã H (nay là xã T), tỉnh Đồng ThápHiện cư trú: Ấp H, xã N (nay là xã M), tỉnh Vĩnh Long

7. Ông Lê Hữu Đ1 năm 1953.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hữu Đ2 Bà Nguyễn Thị H1(Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2024).

8. Anh Lê T4 Đ2sinh năm 1982.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Thành Đ3 Bà Nguyễn Thị H1(Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024).

9. Chị Nguyễn Thị H2 T4sinh năm 1983.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị H2 T4 Bà Nguyễn Thị Nhan .(Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024).

10. Chị Nguyễn Thị Hoàng D năm 1991.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hoàng D1 Bà Nguyễn Thị Nhan .(Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024).

11. Cháu Lê Phạm P5 H2sinh năm 2019.

12 . Cháu Nguyễn Hoàng H3sinh năm 2013.

Người đại diện theo pháp luật của cháu L1 Đ2và chị Nguyễn Thị H2 T4 Cùng nơi cư trú: Số C, đường P, Phường H (nay là phường T), tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đoàn Thị Đ3và bà Nguyễn Thị H1ông Nguyễn Văn Hđược Ủy ban nhân dân Phường H(nay là phường Tchứng nhận ngày 10/10/2008 phần đất thửa 20, tờ bản đồ số 14, diện tích 561,1m².

Chia cho ông Nguyễn Văn H3 nhận phần đất thửa 20-2 diện tích 185,1m², trong đó: đất ở 41,2m²; đất trồng cây lâu năm 143,9m². Buộc bà Nguyễn Thị H1bà Nguyễn Thị N1 L2 Đ4chị Nguyễn Thị H2 T4chị Nguyễn Thị Hoàng D1

có nghĩa vụ di dời tài sản gồm: Nhà chính, nhà tạm, hàng rào lưới B40 và cây trồng trên thửa đất 20-2 giao cho ông H

Chia cho bà Nguyễn Thị H4 nhận phần đất thửa 20-1, diện tích 369,9 m², trong đó: đất ở 82,5m²; đất trồng cây lâu năm 287,4m².

Các phần đất tọa lạc tại phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị H5 nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn T2 T2 giá trị suất thừa kế quyền sử dụng đất số tiền 24.943.956 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị H5 nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T3 T3 giá trị suất thừa kế quyền sử dụng đất số tiền 24.943.956 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn H6 bà Nguyễn Thị H5 nghĩa vụ đi đăng ký, kê khai theo quy định (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/01/2026).

3. Đình chỉ yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê H7 Đ1 yêu cầu ông Nguyễn Văn H8 hoàn trả giá trị công sức, tôn tạo đất, san lấp cát cho ông.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tổng cộng 7.832.000 đồng (trong đó ông H9 5.352.000 đồng, bà H1 nộp 2.480.000 đồng). Ông Nguyễn Văn H8 chịu số tiền 2.176.000 đồng; bà Nguyễn Thị H10 chịu số tiền 5.656.000 đồng. Buộc bà H1 phải trả lại cho ông H11 đồng (ba triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

5. Về án phí:

Nguyên đơn Nguyễn Văn H12 đơn Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N Nguyễn Văn P Nguyễn Thị P1 Nguyễn Thị P2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Ông Nguyễn Thanh T5 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.247.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 4.381.000 đồng theo biên lai số 0006895 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; ông T2 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.134.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T3 T3 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.247.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.615.000 đồng theo biên lai số 0007156 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; bà T3 T3 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 368.000 đồng (ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND KV1-VL;
- THADS KV1-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Hải Châu